

Số: 208/KH-MNQT

Quốc Tuấn, ngày 30 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH QUẢN LÝ TÀI CHÍNH
Năm học 2024 - 2025

Thực hiện Công văn số 2157/UBND-GDĐT ngày 19/8/2024 của UBND huyện An Lão về việc quản lý thu, chi trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện; Công văn số 2434/UBND-GDĐT ngày 13/9/2024 của UBND huyện An Lão về tăng cường công tác quản lý các khoản thu năm học 2024-2025 sau cơn bão số 3 (bão Yagi)

Căn cứ kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025 trường mầm non Quốc Tuấn xây dựng kế hoạch thu chi năm học 2024-2025 cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Để việc quản lý, sử dụng các khoản đóng góp trong nhà trường đảm bảo đúng mục đích.

- Tăng cường trang bị, bổ sung thêm cơ sở vật chất trang thiết bị, đồ dùng cho các lớp học, xây dựng cảnh quan môi trường đảm bảo các điều kiện thiết yếu phục vụ công tác chăm sóc, giáo dục trẻ tại trường.

- Huy động được sự tham gia của gia đình, cộng đồng và các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, tăng cường cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường.

2. Yêu cầu

Việc thu, chi các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo phải đảm bảo thu vừa đủ chi; chi đúng mục đích; mang tính chất phục vụ.

Hạch toán các khoản thu, chi và thực hiện công khai theo quy định của luật ngân sách nhà nước, Luật kế toán và các quy định pháp luật hiện hành. Đảm bảo nguyên tắc thu chi không được điều chuyển từ khoản thu này sang khoản thu khác.

Khi thực hiện các khoản thu đối với những nội dung đã được ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ hoặc đã được bố trí từ nguồn kinh phí khác, mức thu phải được giảm trừ sau khi tính toán số kinh phí đã được bố trí trong dự toán của đơn vị.

II. NỘI DUNG THU CHI

1. Các khoản thu theo quy định của Nhà nước.

1.1 Ngân sách:

Căn cứ vào Quyết định số 4789/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND huyện An Lão về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 cho các phòng, ban, ngành, các xã, thị trấn và các đơn vị



Dự toán NS cấp 2024: 4.846.000.000 đồng

TT	Nguồn KP	Số tiền	Kế hoạch chi
1	Kinh phí không tự chủ	180.000.000	Chi mua sắm CSVC, sửa chữa nhỏ
2	Kinh phí tự chủ	3.898.000.000	
2.1		3.368.000.000	Chi lương và các khoản theo lương
2.2		530.000.000	Chi quản lý hành chính, nghiệp vụ chuyên môn
3	Kinh phí cải cách tiền lương	768.000.000	Chi lương và các khoản theo lương

1.2. Học phí:

Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 quy định cơ chế thu chi, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống thuộc giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết 54/2019/NQ-HĐND ngày 19/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học Mầm non đến Trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ năm học 2024-2025;

Căn cứ vào Hướng dẫn liên sở số 1044/HDLG-GDĐT-STC ngày 19/08/2024 hướng dẫn thực hiện thu và sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm học 2024 - 2025.

Dự kiến kinh phí được hỗ trợ học phí như sau:

Nhà trẻ		Mẫu giáo		Số tháng	Tổng thu
Mức thu	Số HS	Mức thu	Số HS		
92.000	67	85.000	208	9	214.596.000

Dự kiến kinh phí được miễn học phí cho trẻ 5 tuổi (Từ năm học 2024-2025 đối tượng trẻ em mầm non 5 tuổi tại khoản 6 Điều 15 NĐ 81/2021/NĐ-CP được miễn học phí (được hưởng từ 01/9/2024) như sau:

Mẫu giáo 5 tuổi		Số tháng	Tổng thu
Mức thu	Số HS		
85.000	125	9	95.625.000

Dự kiến chi: 100% số tiền học phí thu được dùng để chi lương, tạo nguồn cải cách tiền lương nhằm mục đích tăng lương cơ sở hàng năm theo quy định của

nhà nước hoặc chi thu nhập tăng thêm theo Nghị Quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị Quyết số 01/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng.

2. Các khoản thu dịch vụ

2.1. Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hải Phòng; Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 9/9/2022 của ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng; Nghị Quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/01/2024 của liên Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở tài chính về việc thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Thực hiện Công văn 1270/UBND-GDĐT ngày 23/5/2024 của UBND huyện An Lão về việc tiếp tục cho phép triển khai dạy học liên kết và quản lý học sinh ngoài giờ học chính thức tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện trong hè 2024 và năm học 2024-2025; Công văn số 2157/UBND-GDĐT ngày 19/8/2024 của UBND huyện An Lão về việc quản lý thu, chi trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện; Công văn số 2434/UBND-GDĐT ngày 13/9/2024 của UBND huyện An Lão về tăng cường công tác quản lý các khoản thu năm học 2024-2025 sau cơn bão số 3 (bão Yagi)

2.2 Các khoản thu cụ thể

TT	Các khoản thu	Mức thu quy định tại Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND, Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND	Mức thu nhà trường triển khai	Nội dung chi (Theo HD liên sở số 86/HDLS-GDĐT-STC
1	Các dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú			
1.1	Phục vụ ăn bán trú	30.000đồng/trẻ/ngày	25.000đồng/trẻ/ngày	Phục vụ ăn bán trú
1.2	Phục vụ hoạt động bán trú cho cá nhân học sinh			
	+ Đối với trẻ mới tuyển hoặc lần đầu	360.000đồng/trẻ/năm	360.000đồng/trẻ/năm	Phục vụ cho việc tổ chức hoạt động bán trú cho cá nhân học sinh
	+ Các năm học tiếp theo	200.000đồng/trẻ/năm	200.000đồng/trẻ/năm	

LÀO
NG
NO
TU

1.3 Hỗ trợ phục vụ hoạt động chăm sóc bán trú				
a.	Hỗ trợ người nấu ăn; phục vụ chăm ăn, quản lý và vệ sinh bán trú	150.000đồng/trẻ/tháng	120.000đồng/trẻ/tháng (11 ngày trở nên thu đủ cả tháng, 10 ngày trở xuống thu 8.000đ/trẻ/ngày)	+ 2% Nộp thuế + 90% Hỗ trợ lương nhân viên nấu ăn theo hợp đồng +8% Chi công tác QL, phục vụ chăm ăn, vệ sinh bán trú (HT: 2,5% 2 HP: 4% (2%/người) KT: 1,5%)
b.	Quản lý trẻ ngoài giờ hành chính	10.000đồng/trẻ/giờ	5.000đồng/trẻ/giờ. 10.000đồng/trẻ/2giờ	+ 2% Nộp thuế + 83% Người chăm ăn, trông trưa (Chi theo bảng chấm công thực tế) +14% chi cho công tác quản lý (HT: 4%; 2 HP 7% (3,5%/người) + KT 3%)
2. Dịch vụ chăm sóc trẻ mầm non Ngày thứ 7				
	Dịch vụ chăm sóc trẻ mầm non Ngày thứ 7	50.000đồng/trẻ/ngày	50.000đồng/trẻ/ngày	+ Nộp thuế: 2% + 91% Chi tiền công, giáo viên, nhân viên trực tiếp làm nhiệm vụ quản lý, chăm sóc trẻ vào ngày thứ 7 (Chi theo bảng chấm công thực tế) +7% Chi cho công tác quản lý (Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, kế toán) (Chi theo bảng chấm công thực tế)
3. Học thêm tiếng nước ngoài (Tiếng anh)				
	+ Giáo viên người nước ngoài	35.000đồng/tiết/trẻ	27.500đồng/tiết/trẻ	+ 85% thanh toán cho bên trung tâm + 15% nhà trường. Trong đó: - 0.3% thuế - 5% công tác quản lý. (HT: 1,4%; 2 HP + KT: 3,6%) -8% hỗ trợ giáo viên -1.7% cơ sở vật chất

